

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Đông Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Đông Giang tại Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 29/3/2024 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 310/TTr-SNV ngày 29/3/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Ban Quản lý Rừng phòng hộ, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình huyện Đông Giang, cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm:

- Ban Quản lý Rừng phòng hộ: 10 vị trí.

- Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp: 14 vị trí.
- Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình: 16 vị trí.

*(Có phụ lục IA, IB và IC kèm theo).*

## 2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp:

a) Ban Quản lý Rừng phòng hộ: Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 66,67%, chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 33,33%.

b) Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp: Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 100%.

c) Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình: Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 85,71%, chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 14,29%.

*(Có phụ lục IIA, IIIA, IIB, IIIB, IIC, IIIC kèm theo)*

**Điều 2.** Ủy quyền cho UBND huyện Đông Giang trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành và tình hình thực tế địa phương, thực hiện phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm của Ban Quản lý Rừng phòng hộ, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình; đồng thời, rà soát, cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời gian ủy quyền: kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến ngày 31/12/2024.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

### 1. UBND huyện Đông Giang có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định. Bố trí viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức đảm bảo phù hợp với số lượng biên chế viên chức được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định. Hoàn thành việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm; đồng thời, tiếp tục cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (nếu có) theo quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và quản lý, sử dụng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Đông Giang đúng quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Đông Giang, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục IA**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA BAN QUẢN LÝ**  
**RỪNG PHÒNG HỘ HUYỆN ĐÔNG GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)</b>		
1	LĐQL.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
2	LĐQL.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (02 vị trí)</b>		
3	NVCN.03	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III	
4	NVCN.04	Quản lý bảo vệ rừng hạng IV	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (03 vị trí)</b>		
5	CMDC.05	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	
6	CMDC.06	Văn thư viên trung cấp	
7	CMDC.07	Kế toán viên	
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (03 vị trí)</b>		
8	HTPV.08	Nhân viên bảo vệ	
9	HTPV.09	Nhân viên lái xe	
10	HTPV.10	Nhân viên phục vụ	

Phụ lục IIA

**CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM  
CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15</b>	
<b>I</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)</b>			<b>03</b>	
1	LĐQL.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		01	
2	LĐQL.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		02	
<b>II</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (02 VTVL)</b>			<b>10</b>	
3	NVCN.03	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III	Hạng III	06	50%
4	NVCN.04	Quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Hạng IV	04	33.33%
<b>III</b>	<b>VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (03 VTVL)</b>			<b>02</b>	
5	CMDC.05	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên	01	8.33%
6	CMDC.06	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp		
7	CMDC.07	Kế toán viên	Kế toán viên	01	8.33%
<b>IV</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (03 VTVL)</b>				
8	HTPV.08	Nhân viên bảo vệ			
9	HTPV.09	Nhân viên lái xe			
10	HTPV.10	Nhân viên phục vụ			

**Phụ lục IIIA**

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA BAN QUẢN LÝ  
RỪNG PHÒNG HỘ HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	8	66.67%
2	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	4	33.33%
<b>Tổng</b>		<b>12</b>	<b>100%</b>

**Phụ lục IB**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT**  
**NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)</b>		
1	LĐQL.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
2	LĐQL.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (05 vị trí)</b>		
3	NVCN.03	Bảo vệ thực vật hạng III	
4	NVCN.04	Kiểm nghiệm cây trồng hạng III	
5	NVCN.05	Khuyến nông hạng III	
6	NVCN.06	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	
7	NVCN.07	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (05 vị trí)</b>		
8	CMDC.08	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
9	CMDC.09	Văn thư viên	
10	CMDC.10	Lưu trữ viên hạng IV	
11	CMDC.11	Kế toán viên	
12	CMDC.12	Nhân viên thủ quỹ	
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (02 vị trí)</b>		
13	HTPV.13	Nhân viên bảo vệ	
14	HTPV.14	Nhân viên phục vụ	

Phụ lục IIB

CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC  
THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT  
NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐÔNG GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15</b>	
<b>I</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)</b>			<b>03</b>	
1	LĐQL.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		01	
2	LĐQL.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		02	
<b>II</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (05 VTVL)</b>			<b>10</b>	
3	NVCN.03	Bảo vệ thực vật hạng III	Hạng III	01	8.33%
4	NVCN.04	Kiểm nghiệm cây trồng hạng III	Hạng III	01	8.33%
5	NVCN.05	Khuyến nông hạng III	Hạng III	04	33.33%
6	NVCN.06	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Hạng III	03	25%
7	NVCN.07	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III	Hạng III	01	8.33%
<b>III</b>	<b>VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 VTVL)</b>			<b>02</b>	
8	CMDC.08	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	8.33%
9	CMDC.09	Văn thư viên	Văn thư viên		
10	CMDC.10	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV		
11	CMDC.11	Kế toán viên	Kế toán viên	01	8.33%
12	CMDC.12	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên		
<b>IV</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)</b>				
13	HTPV.13	Nhân viên bảo vệ			
14	HTPV.14	Nhân viên phục vụ			



**Phụ lục IIB**

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM  
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	12	100%
<b>Tổng</b>		<b>12</b>	<b>100%</b>

**Phụ lục IC**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ**  
**TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)</b>		
1	LĐQL.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
2	LĐQL.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (06 vị trí)</b>		
3	NVCN.03	Huấn luyện viên hạng III	
4	NVCN.04	Tuyên truyền viên văn hóa	
5	NVCN.05	Phóng viên hạng III	
6	NVCN.06	Phát thanh viên hạng III	
7	NVCN.07	Kỹ thuật viên	
8	NVCN.08	Kỹ sư	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (05 vị trí)</b>		
9	CMDC.09	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
10	CMDC.10	Văn thư viên	
11	CMDC.11	Lưu trữ viên hạng IV	
12	CMDC.12	Kế toán viên	
13	CMDC.13	Nhân viên thủ quỹ	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (03 vị trí)</b>		
14	HTPV.14	Nhân viên phục vụ	
15	HTPV.15	Nhân viên lái xe	
16	HTPV.16	Nhân viên bảo vệ	

**Phụ lục IIC**

**CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO  
VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HOÁ - THỂ THAO  
VÀ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17</b>	
<b>I</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)</b>			<b>03</b>	
1	LDQL.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		01	
2	LDQL.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		02	
<b>II</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (06 VTVL)</b>			<b>11</b>	
3	NVCN.03	Huấn luyện viên hạng III	Hạng III	01	7.14%
4	NVCN.04	Tuyên truyền viên văn hóa	Hạng III	02	14.29%
5	NVCN.05	Phóng viên hạng III	Hạng III	03	21.43%
6	NVCN.06	Phát thanh viên hạng III	Hạng III	02	14.29%
7	NVCN.07	Kỹ thuật viên	Hạng IV	02	14.29%
8	NVCN.08	Kỹ sư	Hạng III	01	7.14%
<b>III</b>	<b>VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 VTVL)</b>			<b>03</b>	
9	CMDC.09	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	02	14.29%
10	CMDC.10	Văn thư viên	Văn thư viên		
11	CMDC.11	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV		
12	CMDC.12	Kế toán viên	Kế toán viên	01	7.14%
13	CMDC.13	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên		
<b>III</b>	<b>VTVL HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (03 VTVL)</b>				
14	HTPV.14	Nhân viên phục vụ			
15	HTPV.15	Nhân viên lái xe			
16	HTPV.16	Nhân viên bảo vệ			

**Phụ lục III C**

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC  
THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ  
TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐÔNG GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	12	85.71%
2	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	2	14.29%
<b>Tổng</b>		<b>14</b>	<b>100%</b>